

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**
Số: 10 /2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 áp dụng cho chu kỳ 5 năm (2015-2020) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 80/TTr-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng); cụ thể như sau:

1. Bổ sung nội dung xác định vị trí 1 và vị trí 2 đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác, quy định tại Điểm 1 Mục I của Bảng giá đất nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Vị trí 1: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi 500 mét.

- Vị trí 2: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi trên 500 mét đến 1.000 mét; **hoặc có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Đường huyện, Đường xã trong phạm vi 500 mét.**

2. Điều chỉnh tên, địa danh của một số con đường, đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Điều chỉnh tên, địa danh đoạn đường “Số 56 đường Lý Thường Kiệt” thuộc các đường nhánh (hẻm) của Phường I có số thứ tự 36.11 thành đoạn đường có tên, địa danh “Số 54 đường Lý Thường Kiệt”.

- Điều chỉnh tên, địa danh đoạn đường “Số 59, 159 đường Trần Quốc Toàn” thuộc các đường nhánh (hẻm) của Phường B’Lao có số thứ tự 10.10 thành đoạn đường có tên, địa danh “Số 49, 159 đường Trần Quốc Toàn”.

3. Điều chỉnh giá đất ở của một số con đường, đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Số TT	Loại đất	Đơn giá (1.000 đ/m ²)
	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	
II	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
2	XÃ LỘC THANH	
	Khu vực I	
3	Đường Nguyễn Trãi (từ Lê Lợi đến Trần Bình Trọng)	1.000
12	Đường Vũ Trọng Phụng (từ Lê Lợi đến Nguyễn Du)	500

III	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
3	PHƯỜNG II	
22	Đường Lý Chính Thắng (từ Nguyễn Thái Học đến Mạc Đĩnh Chi)	1.500
23	Đường Trần Nguyên Hãn (từ Nguyễn Chí Thanh đến Mạc Đĩnh Chi):	
23.1	- Từ Nguyễn Chí Thanh đến hết đường nhựa	1.200
23.2	- Đoạn còn lại (đường đất)	780
4	PHƯỜNG B'LAO	
10	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường Blao	
10.15	Số 37 đường Phan Huy Chú	500
10.35	Nhánh số N1- Khu vực QH khu dân cư, TĐC khu phố 3 (Trần Quốc Toàn đoạn qua khu dân cư)	1.080
10.36	Nhánh số N2; N3; N4, D1; D2: D3: Khu vực QH khu dân cư, TĐC khu phố 3 phường B'Laos	980
6	PHƯỜNG LỘC PHÁT	
20	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường Lộc Phát:	
20.2.17	Số 732 từ giáp Nguyễn Văn Cừ đến Hẻm 749	600
20.3.1	Số 749 từ đường Nguyễn Văn Cừ đến Hoàng Diệu	600
20.3.4	Số 991B từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết thửa 1494; 275 (tờ 06TL2000)	450
7	PHƯỜNG LỘC TIẾN	
3	Đường Trần Cao Vân (từ hẻm 520 Trần Phú đến hẻm 726 Trần Phú)	700
9	Đường Phùng Hưng (Từ Phan Chu Trinh đến giáp ranh xã Lộc Tân)	660
14	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường Lộc Tiến	
14.1	Số 1219; 1223; 1225 đường Trần Phú.	630
14.21	Nhánh số 8, 9, 10 - Quy hoạch khu dân cư, TĐC khu phố 3	920
14.22	Nhánh số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 - Quy hoạch khu dân cư, TĐC khu phố 3	920

4. Bổ sung giá đất ở của một số con đường, đoạn đường vào trong danh mục Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Số TT	Loại đất Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá (1.000 đ/m ²)
III	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	
2	PHƯỜNG I:	
36	Các đường nhánh (hẻm) thuộc Phường I	
36.40	Số 42 đường Đinh Tiên Hoàng	400
36.41	Số 09; 19; 94; 167; 199 đường Phan Đăng Lưu	400
37	Nhánh số D20 Khu quy hoạch trung tâm mở rộng Hà Giang (P11)	2.600
4	PHƯỜNG B'LAO	
10	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường B'laô	
10.37	Số 45 đường Phan Huy Chú	360
6	PHƯỜNG LỘC PHÁT	
20	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường Lộc Phát	
20.18	Hẻm 95 Trần Bình Trọng	600
20.19	Nhánh số QH D1, QH N1 Khu quy hoạch khu dân cư, TĐC Đông hồ Nam Phương 2 (P14)	2.400
7	PHƯỜNG LỘC TIẾN	
14	Các đường nhánh (hẻm) thuộc phường Lộc Tiến	
14.23	Số 184 đường Phan Chu Trinh	430
14.24	Số 127/4 đường Phan Chu Trinh	360
14.25	Số 380/1 đường Phan Đình Phùng	360

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2017; là một phần không tách rời của Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Giá đất ở điều chỉnh tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định này thay thế giá đất của các con đường, đoạn đường có cùng tên gọi, cùng địa bàn trong Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và tại đô thị (Mục III) trên địa bàn thành phố Bảo Lộc ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt